

## PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG VÙNG TÂY BẮC

Đỗ Thị Mùi

*Khoa Lịch Sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**Tóm tắt.** Bài báo có mục tiêu cơ bản là đánh giá tiềm năng, thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là: Phương pháp nghiên cứu lí thuyết: phân tích tổng hợp tài liệu, số liệu; phương pháp thực địa. Bài báo đã đánh giá được tiềm năng cả tiềm năng tự nhiên và tiềm năng về văn hóa để phát triển du lịch; phân tích được thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững. Một số giải pháp quan trọng nhất để phát triển du lịch theo hướng bền vững là: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đầu tư vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, bảo vệ môi trường, làm tốt công tác tuyên truyền quảng bá các sản phẩm và các điểm du lịch để khai thác tốt hơn tiềm năng du lịch của vùng.

**Từ khóa:** Cơ chế, chính sách, sản phẩm du lịch, thị trường du lịch.

### 1. Mở đầu

Tây Bắc có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về du lịch vùng Tây Bắc, nhưng chủ yếu là nghiên cứu về phát triển du lịch cộng đồng. Năm 2015, Đỗ Thúy Mùi có công trình nghiên cứu *Những giải pháp về nguồn lao động cho phát triển DLCD vùng Tây Bắc* [1], Tạp chí Nghiên cứu địa lí nhân văn, số 5/2015, tr. 47 – 52. Năm 2016, Đỗ Thị Mùi có bài *Tiềm năng và những giải pháp phát triển du lịch cộng đồng vùng Tây Bắc* in trên Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 61, tháng 10/2016, tr. 141 – 147 [2]. Năm 2017, tác giả cũng có công trình *The modeling and management mechanism for the community – based tourism model oferation in the northwest Viet Nam*, Critical issues for sustainable tourism development in South East Asia, pp. 41- 56 [3]. Ngoài các công trình nghiên cứu về vùng, có nhiều công trình nghiên cứu riêng cho các tỉnh như: Đinh Thị Hải Yến *Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Hòa Bình* [4], luận văn thạc sĩ khoa học Địa lí năm 2016; Lô Thanh Bình nghiên cứu về *Phát triển du lịch tỉnh Điện Biên* [5], luận văn thạc sĩ khoa học Địa lí. Các nghiên cứu cũng đã phân tích, đánh giá những tiềm năng để phát triển du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, chưa có tác giả nào nghiên cứu về phát triển du lịch theo hướng bền vững chung trong toàn vùng. Bởi thế, việc nghiên cứu những tiềm năng, thực trạng và đề xuất giải pháp để phát triển du lịch theo hướng bền vững sẽ góp phần quan trọng giúp cho vùng khai thác tiềm năng, phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Các dữ liệu nghiên cứu chủ yếu của bài báo là báo cáo phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh

trong vùng, báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, niên giám thống kê của các tỉnh. Ngoài ra, bài báo còn sử dụng phân tích, so sánh các dữ liệu từ việc phỏng vấn, điều tra khách du lịch, nhà quản lý, người làm du lịch. Các dữ liệu là cơ sở quan trọng để tác giả đề xuất được các giải pháp phù hợp với thực tiễn.

Bài báo đã sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu bao gồm các phương pháp nghiên cứu lí thuyết và nghiên cứu thực tiễn.

Các phương pháp nghiên cứu lí thuyết chủ yếu được tác giả thực hiện như phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu, phương pháp so sánh, phân tích các số liệu thống kê.

Phương pháp phân tích tổng hợp tài liệu nhằm nghiên cứu, xử lí các tài liệu trong phòng dựa trên cơ sở các số liệu, tư liệu, tài liệu từ các nguồn khác nhau và từ thực tế. Tổng quan tài liệu có được cho phép kế thừa các nghiên cứu có trước, sử dụng các thông tin đã được kiểm nghiệm, cập nhật những vấn đề trong và ngoài nước. Dựa trên nguồn tài liệu thu thập được, tiến hành phân tích, so sánh, tổng hợp nhằm: khái quát được cơ sở lí luận và thực tiễn về du lịch, đánh giá chính xác nguồn lực và thực trạng phát triển du lịch ở tỉnh vùng Tây Bắc.

Phương pháp điều tra xã hội học nhằm mục đích thu nhận số liệu, sự suy nghĩ, quan điểm... trên một số lượng đối tượng du khách, người làm du lịch, nhà quản lí lãnh thổ về một vấn đề liên quan đến du lịch để có thể phán đoán, tìm ra nguyên nhân, tính phổ biến hoặc biện pháp nhằm giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các thông tin thu thập qua điều tra giúp các nhà nghiên cứu tổng hợp được các ý kiến, các quan điểm đa dạng từ du khách, ở các điểm du lịch của các tỉnh một cách khách quan mà quan sát của một người không thể có được. Cùng với phương pháp khảo sát thực địa, phương pháp điều tra xã hội học có ý nghĩa quan trọng trong việc phân tích các hiện tượng thực tế. Trong quá trình điều tra, người nghiên cứu xác định: đối tượng điều tra, mục đích điều tra, xử lí các kết quả điều tra.

Tác giả đã đến nghiên cứu tại các điểm du lịch tiêu biểu của vùng. Các điểm tác giả lựa chọn ở các tỉnh là: Bản Lác, nhà máy thủy điện Hòa Bình, suối nước nóng Kim Bôi (Hòa Bình), Mộc Châu, hang động Chi Đáy (Yên Châu), nhà máy thủy điện Sơn La (Sơn La); Khu Mường Phăng, Bản Mên, suối nước nóng Cô Va, các di tích lịch sử (Điện Biên); TP Lai Châu, thị trấn Sìn Hồ (Lai Châu). Đến mỗi điểm du lịch, tác giả đều quan sát, ghi chép, nghiên cứu đánh giá tiềm năng. Tại các điểm du lịch, tác giả đều phỏng vấn trực tiếp ba đối tượng là: du khách, người làm du lịch, các nhà quản lí lãnh thổ. Mỗi điểm du lịch, tác giả xin ý kiến của 20 khách về các nội dung: đánh giá sức hấp dẫn về tài nguyên du lịch, về sự phục vụ du khách, về cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng, về sự đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, đồng thời xin ý kiến của các du khách cũng như nhà quản lí và người làm du lịch về các giải pháp phát triển du lịch từ đó tác giả phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp phát triển du lịch.

## **2.2 Kết quả nghiên cứu**

### **2.2.1. Tiềm năng phát triển du lịch vùng Tây Bắc**

#### **2.2.1.1 Tiềm năng về tự nhiên**

Vùng Tây Bắc bao gồm các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu. Diện tích tự nhiên rộng 3.741,6 km<sup>2</sup> [6], chiếm 11,3% diện tích cả nước. Vùng có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch cả tiềm năng tự nhiên và nhân văn.

Tiềm năng về tự nhiên bao gồm: địa hình, khí hậu, nguồn nước, động thực vật. Mỗi yếu tố tự nhiên có sức thu hút khách du lịch riêng. Đặc biệt, yếu tố địa hình, khí hậu đã tạo cho Tây Bắc có những sản phẩm du lịch khác biệt với các vùng khác.

Địa hình vùng Tây Bắc chủ yếu là núi cao, đồ sộ nhất nước ta. Ba mặt: bắc, đông, tây là những dãy núi, khối núi lớn và giữa là hệ thống các mạch núi xen với cao nguyên đá vôi, đồi, thung lũng. Cấu trúc địa hình, hướng sơn văn tạo ra nhiều phong cảnh đẹp rất thích hợp với nhiều loại hình du lịch.

Địa hình đồi núi đã tạo nên nhiều hang động đẹp có giá trị đối với du lịch. Khu vực này được ví như “thiên đường hang động” của Việt Nam. Mỗi tỉnh trong vùng đều có quần thể các

hang động đẹp, mang những nét đặc trưng riêng.

Tỉnh Hòa Bình có một số hang động đẹp như hang Luồn, Động Hoa Tiên, động Tiên - Phú Lão, động Đá Bạc... Mỗi hang có vẻ đẹp riêng, có nhiều măng đá, nhũ đá lung linh, huyền thoại, có thể phát triển nhiều loại hình du lịch.

Sơn La cũng có nhiều hang động đẹp có thể khai thác để phát triển du lịch. Đẹp và có sức thu hút khách lớn nhất là hang Chi Đầy thuộc huyện Yên Châu. Quần thể hang động này tuy mới được phát hiện từ năm 1997, chưa được đầu tư lớn, nhưng đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn bởi vẻ đẹp huyền diệu của các măng đá, nhũ đá trong hang.

Ở Điện Biên cũng có nhiều hang động đẹp có thể khai thác vào mục đích du lịch. Một số hang, động tiêu biểu như: Động Pa Thơm, hang Thẩm Báng... Mỗi hang có những vẻ đẹp riêng, khác với các hang động ở Hòa Bình, Sơn La. Trong hang có nhiều nhũ đá óng ánh, màu sắc huyền ảo, lung linh. Đây là điều kiện thuận lợi để thu hút khách du lịch.

Tây Bắc có nhiều cao nguyên rộng lớn, bằng phẳng. Mỗi cao nguyên có thể mạnh riêng để phát triển nông, lâm nghiệp, đó là cơ sở để du khách có thể cùng tham gia trải nghiệm với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Du khách có thể tham gia vào hoạt động trồng, chăm bón, hái chè, cây ăn quả trên cao nguyên Mộc Châu; Trồng ngô, trồng sắn, cây ăn quả: nhãn, thanh long, ôi,... trên cao nguyên Nà Sản; Trồng các cây dược liệu quý trên cao nguyên Sìn Hồ... Tất cả những điều đó sẽ làm cho du khách có thời gian trải nghiệm thú vị.

Tây Bắc có khí hậu thuận lợi để phát triển du lịch. Nhiệt độ trung bình năm 23°C, độ ẩm trong năm trung bình trên 80%, lượng mưa trung bình năm từ 1200 – 1800mm [7]. Khí hậu chia thành 2 mùa: Mùa mưa và mùa khô. Mùa khô rất thuận lợi để phát triển du lịch. Một số nơi ở khu vực có địa hình cao, khí hậu mát mẻ, có thể xây dựng được những khu nghỉ dưỡng, các trung tâm an dưỡng, chữa bệnh như Mộc Châu, Ngọc Chiến, Co Mạ (Sơn La), Sìn Hồ (Lai Châu)...

Trên cao nguyên Mộc Châu, Sìn Hồ, khí hậu lạnh có thể trồng hoa, nuôi bò sữa, trồng các loại cây ăn quả... du khách có thể tham gia trải nghiệm cùng người dân địa phương những công việc nương rẫy, trồng hoa, ngắm cảnh...

Tây Bắc có mạng lưới sông ngòi hùng vĩ, vùng có hai hệ thống sông lớn là sông Đà và sông Mã [7]. Nơi đây có thể xây dựng được nhiều nhà máy thủy điện. Trên dòng sông Đà hùng vĩ đã xây dựng ba nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam. Các nhà máy thủy điện đó là những điểm du lịch hấp dẫn thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Đặc biệt, ba hồ thủy điện có ý nghĩa lớn trong việc phát triển du lịch lòng hồ. Nhiều hoạt động du lịch đã được khai thác ở nơi đây như du thuyền ngắm cảnh trên lòng hồ, đua thuyền, câu cá, tham gia các hoạt động đánh bắt, nuôi cá lồng, cá bè trên lòng hồ. Tây Bắc còn có nhiều hồ thủy lợi cũng có ý nghĩa lớn để phát triển du lịch. Một số hồ tiêu biểu như hồ Pa Khoang (Điện Biên), hồ Tiên Phong, Chiềng Khoi (Sơn La)...

Ngoài các hồ, Tây Bắc còn có nhiều thác nước đẹp rất hấp dẫn khách du lịch. Các thác nước nổi tiếng như thác Dải Yếm (Sơn La), thác Tác Tình (Lai Châu)... Các thác này đã được khai thác vào mục đích du lịch. Nguồn suối nước nóng ở vùng Tây Bắc có giá trị cao đối với du lịch cộng đồng. Bốn tỉnh đều có các điểm suối khoáng có giá trị cao để phát triển du lịch. Các điểm suối khoáng như Kim Bôi (Hòa Bình), Bản Mòng, Ngọc Chiến (Sơn La), Hua Pe (Điện Biên)... đều trở thành những điểm du lịch hấp dẫn.

Nguồn tài nguyên sinh vật trong vùng khá phong phú và đặc trưng, rất thuận lợi để phát triển du lịch. Các khu bảo tồn thiên nhiên có ý nghĩa để phát triển du lịch như khu bảo tồn Xuân Nha (Sơn La), Mường Nhé (Điện Biên)... Các hoạt động du lịch chủ yếu ở đây là tham quan, ngắm cảnh, nghiên cứu, dã ngoại.

#### **2.2.1.2. Tiềm năng về kinh tế - xã hội**

Tây Bắc có số dân không đông. Năm 2018, 4 tỉnh trong khu vực có số dân là: 2.859,3 nghìn người, chiếm 2,8% dân số cả nước. Mật độ dân số là 78 người/km<sup>2</sup> [6], thấp nhất so với cả nước. Dân cư không đông, môi trường sống điều hòa, không bị ô nhiễm là điều kiện thích hợp

đối với du khách. Vùng có 24 dân tộc trong tổng số 54 dân tộc của Việt Nam, mỗi dân tộc có nét văn hóa riêng. Đây là nguồn tài nguyên hấp dẫn đối với du khách. Du khách có thể sống và trải nghiệm với những nét văn hóa và phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc trong vùng.

Tây Bắc còn có nhiều di tích lịch sử có ý nghĩa để phát triển du lịch. Có giá trị lịch sử lớn nhất vùng là di tích chiến trường Điện Biên. Nơi đây đã ghi lại chiến công oanh liệt của quân và dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp. Nhiều di tích hiện nay đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn như khu Mường Phăng, đồi A1, hầm Đờ Cát...

Ở Sơn La cũng có những di tích lịch sử có giá trị lớn trong việc thu hút khách du lịch. Một trong những di tích có giá trị lớn nhất đó là nhà ngục Sơn La. Di tích này đã được xếp hạng là di tích cấp quốc gia, có sức thu hút khách du lịch cao.

Hòa Bình cũng có nhiều di tích lịch sử có giá trị cao để phát triển du lịch. Đặc biệt nhất là khu di tích Chùa Tiên (Mẫu Đầm Đa) thuộc địa phận xã Phú Lão, huyện Lạc Thủy. Khu di tích là quần thể bao gồm nhiều hang động, đền chùa đẹp, có sức hấp dẫn khách du lịch cao. Chùa đã được Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng Di tích lịch sử văn hóa tháng 9 năm 1989. Hiện là điểm du lịch có sức thu hút khách cao của tỉnh Hòa Bình.

Điện Biên có quần thể các di tích lịch sử trong thời kì chống Pháp. Các di tích như khu Mường Phăng (là sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ của bộ đội Việt Nam), khu đồi A1, hầm Đờ Cát (là khu chỉ huy của thực dân Pháp)... Các khu di tích này có giá trị cao trong việc phát triển du lịch, tham quan nghiên cứu lịch sử, về nguồn.

Để đánh giá những tiềm năng phát triển du lịch của vùng, người nghiên cứu còn điều tra tại các điểm du lịch đặc trưng. Mỗi tỉnh tác giả đã điều tra tại 3 điểm, mỗi điểm phỏng vấn 20 khách du lịch, 5 người làm du lịch và 3 nhà quản lí du lịch. Tổng số phiếu điều tra ở 4 tỉnh là 336 phiếu. Sau khi xử lí kết quả của 336 phiếu, cụ thể các đối tượng đánh giá các tiêu chí như sau:

*Về sự hấp dẫn của tài nguyên du lịch:* Có 189 đối tượng đánh giá tài nguyên du lịch rất hấp dẫn (chiếm 56,3%), 58 đối tượng đánh giá khá hấp dẫn (chiếm 17,3%), 53 đối tượng đánh giá trung bình (chiếm 15,8%), đối tượng đánh giá không hấp dẫn: 36 đối tượng (10,6%).

*Về cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng:* không có đối tượng nào đánh giá rất tốt, có 107 đối tượng đánh giá khá tốt (chiếm 31,8%), 140 đối tượng đánh giá trung bình (chiếm 41,7%); 89 đối tượng đánh giá chưa tốt (chiếm 26,5%).

*Về chất lượng phục vụ khách du lịch:* kết quả điều tra cụ thể các đối tượng đánh giá: 156 đối tượng đánh giá chất lượng phục vụ rất tốt (chiếm 46,4%); 97 đối tượng đánh giá phục vụ tốt, (chiếm 28,9%); 78 đối tượng đánh giá trung bình (chiếm 23,2%); 05 đối tượng đánh giá chất lượng phục vụ chưa tốt (chiếm 1,5%).

*Về mức độ hài lòng:* đại đa số du khách hài lòng khi đến du lịch các tỉnh vùng Tây Bắc. Có 86 đối tượng đánh giá rất hài lòng (chiếm 25,6%), 177 đối tượng đánh giá hài lòng (chiếm 52,7%); 56 đối tượng đánh giá bình thường (chiếm 16,6%) và vẫn còn 17 đối tượng đánh giá chưa hài lòng (chiếm 5,1%)

*Về vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng phục vụ ăn uống:* 289 đối tượng đánh giá rất hài lòng (chiếm 86%); 47 đối tượng đánh giá khá hài lòng (chiếm 14%); không có đối tượng nào đánh giá không hài lòng.

Kết quả điều tra cùng với những chuyên thực địa nghiên cứu, tìm hiểu thì nhìn chung, khách du lịch đều đánh giá nơi đây có tiềm năng du lịch. Nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng đã và đang được đầu tư hoàn thiện. Việc phục vụ khách du lịch, môi trường du lịch khá đảm bảo. Nếu đầu tư nhiều hơn, nhất là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng thì du lịch của vùng sẽ mang lại hiệu quả hơn.

### **2.2.1.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật**

Cơ sở hạ tầng các tỉnh vùng Tây Bắc đã được đầu tư. Các tỉnh có trục đường quốc lộ 6, là

trục đường kết nối các tỉnh trong vùng, thuận lợi cho các luồng du khách có thể đi du lịch dọc các tỉnh trong vùng. Ngoài tuyến quốc lộ 6, vùng Tây Bắc có nhiều tuyến quốc lộ khác như 279 và các tuyến đường tỉnh lộ, có khả năng kết nối nhiều điểm du lịch trong vùng.

Vùng có hệ thống nhà hàng, khách sạn cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu khách du lịch. Mỗi tỉnh trong vùng có từ 3 đến 5 khách sạn từ 3 sao trở lên, có từ 20 đến 50 cơ sở có thể đón khách cả trong và ngoài nước. Ngoài ra, còn có hàng trăm cơ sở lưu trú phục vụ khách du lịch cộng đồng, đặc biệt là ở một số địa phương như: Mai Châu (Hòa Bình); Mộc Châu (Sơn La), Điện Biên (Điện Biên). Các nhà hàng phát triển khá đồng bộ giữa các tỉnh. Mỗi tỉnh đều có hương vị riêng, hấp dẫn khách du lịch.

Ngoài ra, các tỉnh trong vùng có các cơ sở dịch vụ khác khá tốt như hệ thống cửa hàng thương mại, các hệ thống dịch vụ viễn thông có chất lượng tốt, vừa đáp ứng được nhu cầu của dân cư, vừa phục vụ khách du lịch tốt.

## 2.2.2. Thực trạng phát triển du lịch vùng Tây Bắc

### 2.2.2.1. Khách du lịch

Số lượng khách du lịch tăng khá nhanh. Năm 2018, tổng số khách tăng gấp hơn 11 lần so với năm 2004, khách trong nước tăng gần 9,7 lần, khách quốc tế tăng nhanh hơn, tăng 33,8 lần. Do cải thiện được cơ sở vật chất kỹ thuật, chất lượng phục vụ du lịch và các sản phẩm du lịch nên số ngày khách tăng nhanh, tăng 14,9 lần.

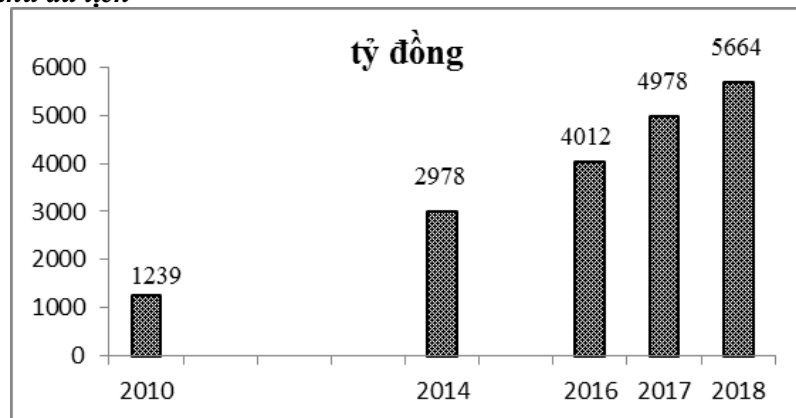
**Bảng 1. Số lượt khách du lịch đến vùng Tây Bắc giai đoạn 2004 – 2018**

Năm	Tổng lượt khách (ngàn lượt người)	Khách trong nước (ngàn lượt người)	Khách quốc tế (ngàn lượt người)	Số ngày khách do các cơ sở lưu trú phục vụ (ngày)
2004	450,9	424,5	26,4	505,0
2010	1201,5	1034,2	167,3	1441,8
2014	3527,2	3105,6	421,6	4938,1
2017	4787,6	3998,8	788,8	7181,7
2018*	5002,4	4109,8	892,6	7503,6

(Nguồn: 8,9,10,11)

Nhìn chung, số lượng khách, số ngày khách, đặc biệt là số lượng khách quốc tế tăng nhanh. Tuy nhiên, lượng khách tập trung chủ yếu ở Hòa Bình, Sơn La. Lai Châu có số lượng khách thấp nhất. Năm 2018, số lượng khách đến Hòa Bình là 2300 ngàn lượt (chiếm 46% lượng khách toàn vùng), Sơn La có 1600 ngàn lượt khách, (chiếm 32% lượng khách toàn vùng. Lai Châu có số lượng khách ít nhất chỉ chiếm 3,6% lượng khách toàn vùng.

### 2.2.2.2. Doanh thu du lịch



**Hình 1. Biểu đồ thể hiện doanh thu du lịch vùng Tây Bắc giai đoạn 2010 - 2018**

Doanh thu du lịch tăng khá nhanh. Năm 2018, tổng doanh thu du lịch đạt 5.664 tỷ đồng, tăng gấp 4,6 lần so với năm 2010 [8, 9, 10, 11].

Doanh thu du lịch không đồng đều giữa các tỉnh trong vùng. Hòa Bình có doanh thu du lịch cao nhất, thấp nhất là Lai Châu. Lai Châu chỉ bằng 30% doanh thu du lịch của Hòa Bình.

Doanh thu du lịch tăng nhanh do lượng khách và số ngày lưu trú trung bình tăng nhanh, tăng từ 1,4 ngày/người (năm 2010) lên 2,5 ngày/người (2018). Các hoạt động dịch vụ du lịch đã được mở rộng nên càng hấp dẫn khách du lịch.

### **2.2.2.3. Sản phẩm du lịch và không gian lãnh thổ du lịch**

Sản phẩm du lịch ở vùng Tây Bắc ngày càng đa dạng hơn. Hiện vùng có các sản phẩm du lịch chủ yếu như: Du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch cộng đồng; du lịch nghỉ dưỡng. Nhiều loại hình dịch vụ du lịch đã mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Dịch vụ ăn uống, lưu trú, văn hóa, văn nghệ, vận chuyển, hướng dẫn du lịch.

Không gian lãnh thổ du lịch đã được mở rộng. Vùng có nhiều điểm du lịch đã và đang khai thác các dịch vụ du lịch. Các điểm du lịch có sức thu hút du khách đông, có ý nghĩa quốc gia: như nhà máy thủy điện Hòa Bình, Sơn La, khu du lịch quốc gia Mộc Châu, khu di tích lịch sử Điện Biên Phủ, các điểm suối nước nóng...

Ở Hòa Bình còn có điểm du lịch cộng đồng Bản Lác (xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu). Cộng đồng cư trú ở đây chủ yếu là người Thái trắng. Họ có một nền văn hóa dân tộc phát triển lâu đời và đến nay còn lưu giữ được nhiều giá trị văn hóa đặc sắc như trang phục của người phụ nữ Thái, phong tục đón khách, văn hóa ẩm thực, kiến trúc nhà sàn... Tất cả những nét văn hóa đó đã tạo nên sản phẩm du lịch độc đáo riêng. Ngoài ra, còn có một số điểm du lịch có sức thu hút du khách cao như: Hồ thủy điện Hòa Bình, suối nước nóng Kim Bôi...

Sơn La cũng có nhiều điểm du lịch hấp dẫn như: Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, thủy điện Sơn La, nhà tù Sơn La, các điểm suối nước nóng ở Thành phố Sơn La, huyện Mường La... Trong các điểm đó, Mộc Châu có sức thu hút du khách cao nhất. Mộc Châu có khí hậu mát mẻ, có nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, có nhiều sản phẩm du lịch đặc trưng. Đặc biệt, Mộc Châu gần với các thị trường khách, nên số lượng khách đông, nhất là những ngày nghỉ cuối tuần.

Điện Biên có nhiều điểm du lịch hấp dẫn như: Khu di tích Mường Phăng - Sở Chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ, tập đoàn cứ điểm của thực dân Pháp, hồ Pa Khoang, suối nước nóng U Va... Tất cả những điều đó đã tạo cho Điện Biên có nhiều sản phẩm du lịch mang nét đặc trưng riêng, hấp dẫn khách du lịch.

Lai Châu không thuận lợi như các tỉnh khác về vị trí địa lý, về tài nguyên du lịch, nhưng Lai Châu cũng có những điểm du lịch khá hấp dẫn. Thành phố Lai Châu, thành phố trẻ, nên có phong cảnh quy hoạch, kiến trúc đẹp. Lai Châu có những cao nguyên có khí hậu mát mẻ như cao nguyên Sìn Hồ, có nhiều loại dược liệu quý, thích hợp với du lịch nghỉ dưỡng.

### **2.2.2.4. Đầu tư kinh doanh du lịch**

Môi trường kinh doanh du lịch khá thuận lợi do các tỉnh đã có sự đầu tư và định hướng phát triển du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; Chú trọng đầu tư phát triển các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia Khu du lịch Quốc gia hồ Hòa Bình; Mộc Châu, khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang. Các tỉnh đều đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển du lịch; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương về yếu tố lịch sử, tự nhiên và văn hóa các dân tộc; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh trong khu vực Tây Bắc, với các vùng trọng điểm phát triển du lịch trong nước, các tỉnh Bắc Lào, Bắc Thái Lan, tỉnh Vân Nam Trung Quốc và các thị trường tiềm năng.

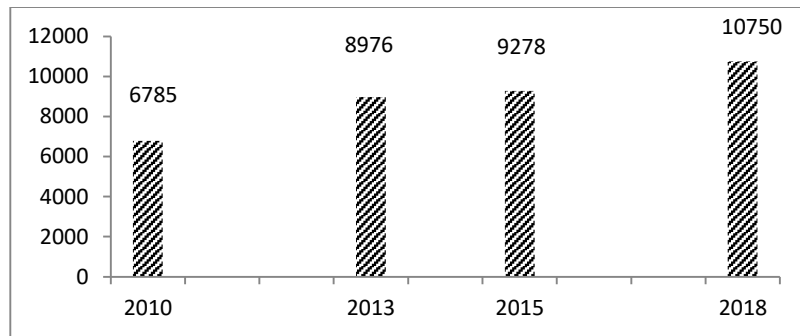
Hiện nay, ở một số địa phương các doanh nghiệp du lịch đã có sự đầu tư đáng kể như khu du lịch Bản Lác (Hòa Bình); Mộc Châu (Sơn La), khu Pá Khoang (Điện Biên), Tam Đường Tea (TP Lai Châu) đã thu hút được lượng khách đông hơn, doanh thu du lịch ngày càng tăng.

Những năm gần đây, nhiều hộ gia đình tự xây nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng để phục vụ du

khách trong các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn nên số nhà hàng, khách sạn tăng nhanh, nhưng số lượng các nhà hàng, khách sạn đạt tiêu chuẩn phục vụ tốt du khách chưa nhiều.

#### 2.2.2.5. Lao động trong ngành du lịch

Số lượng và đặc biệt là chất lượng lao động có vai trò rất quan trọng quyết định tới hiệu quả kinh tế. Cũng như các ngành khác, ngành du lịch có đạt hiệu quả kinh tế cao hay không phụ thuộc rất lớn vào chất lượng lao động. Nhìn chung, lao động trong ngành dịch vụ nói chung và ngành du lịch nói riêng còn mỏng về số lượng và yếu về chất lượng.



**Hình 2. Số lượng lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch vùng Tây Bắc giai đoạn 2010 - 2018**

Số lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch đã tăng lên đáng kể qua các năm. Năm 2010 vùng có 6.785 lao động trực tiếp. Năm 2018, tăng lên 10.750 người, gấp gần 1,6 lần. Chất lượng lao động ngày càng tăng. Năm 2018, vùng đã có 10% lao động đã được đào tạo nghề, có trình độ từ cao đẳng trở lên, 10% có trình độ trung cấp, 5% lao động đã được tập huấn, học tập qua các lớp tổ chức tại địa phương [8, 9, 10, 11].

Tuy nhiên, trình độ ngoại ngữ, tin học chưa cao, nhất là ngoại ngữ nên chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ du khách quốc tế; hiện tượng cán bộ quản lý có năng lực, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn chuyển đi các doanh nghiệp du lịch ở các vùng khác khá cao, gây nên hiện tượng chảy máu chất xám mất lao động có chuyên môn cao của vùng.

#### 2.2.2.6. Môi trường ở các điểm du lịch

Môi trường ở vùng Tây Bắc nhìn chung còn khá tốt. Không khí ít bị ô nhiễm, phần lớn các điểm du lịch môi trường không khí còn trong lành. Theo kết quả kiểm tra của cơ quan môi trường thì môi trường nước và môi trường không khí của vùng chưa bị ô nhiễm. Tuy nhiên, ở một số điểm du lịch, nhất là các điểm du lịch cộng đồng, môi trường vệ sinh chưa sạch, nhiều bán chăn nuôi gia súc thả rông, nuôi nhốt gia súc dưới gầm sàn... Một số điểm du lịch công trình vệ sinh chưa đảm bảo. Khi phỏng vấn trực tiếp khách du lịch, 15% khách du lịch cho rằng cần phải chú trọng đến việc xây dựng các công trình vệ sinh, đặc biệt ở các điểm du lịch cộng đồng.

#### 2.2.3. Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững vùng Tây Bắc

Phát triển du lịch vùng Tây Bắc là một động lực quan trọng để xây dựng nông thôn mới, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Nhưng muốn phát triển du lịch theo hướng bền vững đòi hỏi các địa phương phải phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc để xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, phù hợp với từng vùng, từng dân tộc, có quy hoạch chọn lọc, hấp dẫn với từng đối tượng du khách. Các giải pháp cụ thể là:

##### 2.2.3.1. Những giải pháp về cơ chế chính sách

Cơ chế chính sách có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh vùng Tây Bắc nói chung và của từng ngành kinh tế nói riêng trong đó có du lịch. Vì thế, để khai thác tốt tiềm năng cho phát triển du lịch bền vững, các tỉnh cần có những cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy tối đa các nguồn lực cho phát triển du lịch.

- Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển du lịch tại các tỉnh;

- Có chính sách hỗ trợ kinh phí để người dân địa phương tại các bản có tiềm năng phát triển du lịch đầu tư trong các lĩnh vực như :

+ Nâng cấp cơ sở hạ tầng: đường giao thông, nhà văn hóa, các công trình vui chơi giải trí, nhà vệ sinh, hệ thống nước thải... đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu cho du khách.

+ Khôi phục, phát triển các nghề thủ công truyền thống như: nghề dệt thổ cẩm, nghề thêu, nghề đan lát, nghề gốm,... để giúp cho du khách có thể tham gia cùng các hoạt động đó, hoặc tạo ra các sản phẩm hàng hóa làm quà cho du khách.

+ Xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng mang và sắc thái riêng của vùng Tây Bắc có thể cạnh tranh được với điểm du lịch khác trong cả nước;

+ Bồi dưỡng, đào tạo kiến thức về du lịch cho cộng đồng, giúp cho người dân nâng cao hiểu biết để cùng tham gia làm du lịch và biết bảo vệ môi trường cảnh quan cho phát triển du lịch bền vững;

+ Bảo tồn, phát huy những đặc trưng văn hóa của địa phương;

+ Tôn tạo và bảo vệ cảnh quan môi trường tại khu vực bản, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của vùng.

- Có cơ chế quản lý phù hợp đối với hoạt động du lịch: quản lý khách quốc tế và khách nội địa đến tham quan và nghỉ tại địa bàn xã, bản và các điểm du lịch.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình kinh doanh lưu trú tại gia ở bản du lịch cộng đồng như: thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký khách lưu trú ...

### **2.2.3.2. Giải pháp về nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch**

Du lịch là một trong những ngành kinh tế mang lại lợi nhuận cao, vì thế để có thể thu hút được nhiều du khách đến tham quan tại vùng Tây Bắc thì chất lượng các loại hình dịch vụ cần phải đảm bảo và không ngừng nâng cao. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn và các cuộc phỏng vấn, trò chuyện với khách du lịch và người làm du lịch, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

*\* Các giải pháp về dịch vụ lưu trú:*

- Cần phải chuẩn bị đầy đủ những vật dụng cần thiết chăn, ga, gối, đệm (Chú trọng tới các sản phẩm tự làm) để phục vụ tốt nhu cầu của khách du lịch, đặc biệt là khách nước ngoài;

- Khuyến khích nhiều hộ gia đình sử dụng ngôi nhà của mình làm cơ sở lưu trú để đón khách du lịch;

- Mỗi gia đình là một cơ sở lưu trú của du khách, vì thế vấn đề an ninh tại các cơ sở lưu trú phải được đảm bảo;

- Tạo không gian thoáng mát để khách du lịch cảm thấy thật sự thoải mái khi nghỉ trong ngôi nhà sàn của bản;

- Đầu tư xây dựng các khách sạn đạt tiêu chuẩn đón khách quốc tế.

*\* Về dịch vụ ăn uống*

- Quy hoạch vùng chuyên sản xuất và cung cấp thực phẩm sạch phục vụ nhu cầu của khách du lịch như rau, thịt lợn, gà đồi, cá, rau rừng, măng và các đặc sản của vùng.

- Chú trọng tới các món ăn đặc trưng của địa phương và có tác dụng đến sức khỏe của khách du lịch;

*\* Về dịch vụ hướng dẫn tham quan*

Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức du lịch cho hướng dẫn cho người dân về một số kỹ năng cơ bản trong hoạt động hướng dẫn du lịch như: việc đón tiếp khách, hướng dẫn viên du lịch, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại địa phương.

- Bồi dưỡng ngôn ngữ giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh cho cộng đồng để thuận tiện trong việc đón tiếp khách nước ngoài;



- Kết hợp giữa hướng dẫn kiến thức lí thuyết và thực hành các kĩ năng cơ bản để người dân hiểu và vận dụng ngay vào thực tế từ: bắt đầu từ khi đón khách cho đến khi kết thúc chương trình du lịch của du khách.

*\* Về dịch vụ vui chơi giải trí:*

- Tổ chức giao lưu với du khách thông qua những hoạt động: múa hát, tổ chức lễ hội, tổ chức các trò chơi dân gian, múa xòe, múa sạp ... tạo ấn tượng đẹp khi khách đến du lịch tại địa phương.

- Chú ý đến các loại sản phẩm nông nghiệp sạch của địa phương để phục vụ du khách.

- Hướng dẫn du khách tham gia trải nghiệm lao động, sản xuất tại địa phương như: trồng rau, dệt vải, thêu khăn, túi, đan ép, lên nương trồng ngô, hoa quả, trồng lúa, trồng và thu hoạch các cây công nghiệp.

*\* Về dịch vụ bán hàng lưu niệm*

Khuyến khích người dân địa phương tham gia sản xuất hàng lưu niệm: đồ dệt thổ cẩm, đồ đan lát... tạo ra nhiều sản phẩm độc đáo đa dạng mẫu mã, chủng loại phục vụ khách du lịch;

*\* Dịch vụ tắm thuốc*

Để tắm thuốc trở thành dịch vụ đảm bảo chất lượng, mang lại nhiều hiệu quả phục vụ cho nhu cầu của du khách, người dân tại các bản cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

- Thùng tắm phải được ghép từ những tấm gỗ tự nhiên xẻ mỏng vừa phải, sạch sẽ, có chiều cao vừa đủ cho một người tắm, khi ghép phải thật khéo léo để nước tắm đổ vào không bị rò rỉ ra ngoài. Đặc biệt, thùng tắm không được thiết kế bằng nguyên liệu xi măng, gạch ốp;

- Những thùng tắm phải được thiết kế gần nhà để chủ nhà có thể xử lí sự cố không mong muốn khi khách du lịch sử dụng dịch vụ;

- Sau khi lá tắm được lấy trên rừng về lá phải được rửa sạch trước khi cho vào nồi đun; Lá tắm phải là lá tươi được lấy trong ngày, không để khô héo sẽ giảm tác dụng của nước tắm;

- Nước tắm phải là nước lá đun sôi nguyên chất để nguội từ từ vừa đủ độ nóng để tắm, không được pha loãng với nước lã;

- Thời gian tắm khoảng 30-40 phút, không nên để du khách tắm quá lâu;

- Để đảm bảo cho sức khỏe khi sử dụng dịch vụ tắm thuốc thì cần nhắc nhở khách du lịch ăn thức ăn nhẹ trước khi tắm.

Ngoài ra, khi khách du lịch đến tham quan tại bản, du khách thích tham gia trải nghiệm cần tạo điều kiện để du khách tham gia các công việc cùng với bà con các bản như: dệt vải, đan lát, làm các đồ thổ cẩm; tham gia các hoạt động sản xuất nông nghiệp như trồng, thu hoạch lúa, ngô, hoa quả, chè chăm sóc, vắt sữa bò...

### **2.2.3.3. Giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch**

Các sản phẩm du lịch của Tây Bắc nhìn chung còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được thị hiếu và mong muốn của khách du lịch. Bởi thế, cần phải có các giải pháp cụ thể cho các loại hình du lịch trong vùng.

#### *a. Đối với du lịch homestay*

Có biện pháp khuyến khích các hộ gia đình tham gia làm du lịch cộng đồng. Hiện nay, trong vùng chưa có nhiều hộ gia đình làm du lịch cộng đồng. Một số hộ không đầu tư mà chỉ sử dụng những tài sản vốn có của gia đình để làm du lịch nên chất lượng phục vụ thấp. Cần có sự hướng dẫn các hộ gia đình tham gia hỗ trợ người dân địa phương đầu tư trang bị những vật dụng cần thiết, chuyên dùng phục vụ khách du lịch. Học tập theo mô hình của một số bản đã có đầu tư, hỗ trợ người dân địa phương mua sắm vật dụng phục vụ khách du lịch như: Bản Hùm (Sơn La), bản Mên (Điện Biên)...

Cần tập huấn cho người dân những kĩ năng phục vụ khách du lịch lưu trú tại gia đình. Hàng năm các địa phương hoặc bốn tỉnh vùng Tây Bắc có thể tổ chức các lớp tập huấn cho người dân làm du lịch cộng đồng. Hướng dẫn họ ở tất cả các khâu từ việc đón khách, phục vụ khách ăn

nghi, tham gia các hoạt động sản xuất của địa phương, cách giao tiếp với khách du lịch, bố trí các khu vui chơi, giải trí, sinh hoạt văn hóa, đặc biệt với khách nước ngoài.

Hỗ trợ các bản du lịch cộng đồng trong việc quảng bá hình ảnh sản phẩm du lịch của địa phương để du khách trong và ngoài nước biết đến điểm du lịch cộng đồng.

*b. Đối với du lịch văn hóa, lễ hội*

Vùng có nhiều lễ hội truyền thống có thể khai thác vào mục đích du lịch như: Lễ hội hoa ban, lễ hội xuống đồng, lễ hội đua thuyền... Một số lễ hội đang có nguy cơ bị mai một cần phải được khôi phục lại như lễ hội: Cầu mưa; lễ hội "Xên bản, Xên Mường"; lễ hội "Cầu mùa" lễ hội "Pàng A nụ ban" lễ hội "Hạn khuông"; lễ "Lập tịnh"; lễ "gội đầu"... Cũng cần có những biện pháp để giới thiệu quảng bá cho khách du lịch trong nước và nước ngoài các lễ hội ở vùng Tây Bắc để họ có thể tham dự các lễ hội đó.

Tổ chức tốt lễ hội truyền thống của các dân tộc để quảng bá cho khách du lịch. Phục dựng những lễ hội, nghi lễ truyền thống tại các điểm du lịch cộng đồng, vừa là hoạt động để bảo tồn văn hóa, vừa là để quảng bá cho khách du lịch. Lễ hội phải được tổ chức đều đặn, có rút kinh nghiệm hàng năm, để tổ chức tốt hơn, thu hút được nhiều khách du lịch hơn.

Mỗi địa phương cũng cần nghiên cứu làm các sản phẩm quà tặng lưu niệm cho khách du lịch. Bởi thế, cần phải có biện pháp cụ thể để đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ nông nghiệp, sưu tầm các sản phẩm thuốc nam có nguồn gốc tại địa phương, thuốc tắm, thuốc phục hồi sức khỏe cho người ốm, cho phụ nữ sau khi sinh. Khuyến khích những người dân chế biến các loại rượu từ men lá cây của các địa phương như rượu ngô, rượu nếp cẩm, rượu sơn tra. Hỗ trợ người dân tham gia sản xuất từ đồ thủ công mỹ nghệ phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch: đồ thổ cẩm (túi, áo, khăn, gối, đệm); đồ mây tre (bàn, ghế, cung, nỏ, gùi, giỏ đựng...) thân thiện với môi trường.

**2.2.3.4. Tăng cường công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng**

Để thu hút khách du lịch, các bản cần chú ý đến việc bảo tồn nét đẹp truyền thống trong trang phục, trong văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Đặc biệt, các dân tộc cần phải giữ gìn các nét tinh hoa văn hóa trong kiến trúc nhà ở, nhất là kiến trúc nhà sàn của dân tộc Thái. Các bản làm du lịch cần vận động tất cả các hộ gia đình trong bản giữ gìn kiến trúc ngôi nhà sàn truyền thống để đón khách du lịch tham quan, nghiên cứu.

Đa số người dân địa phương của vùng núi Tây Bắc đã có ý thức bảo tồn nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc mình thể hiện qua trang phục truyền thống, sinh hoạt tập thể, lao động sản xuất. Cần có các biện pháp khuyến khích người dân mặc trang phục truyền thống của dân tộc, coi đó là sản phẩm riêng để thu hút khách du lịch.

Duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ tại địa phương. Mỗi bản nên thành lập đội văn nghệ, khuyến khích các lứa tuổi tham gia tập luyện để có thể biểu diễn văn nghệ phục vụ du khách. Sử dụng nhiều đạo cụ dân tộc truyền thống để tập luyện, biểu diễn ở địa phương để tạo nên những nét độc đáo riêng.

Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống như các làng nghề thủ công mỹ nghệ, đan mây, tre, rèn đúc... cần có giải pháp cụ thể về marketing, chào hàng ở nhiều nơi, thay đổi mẫu mã, đa dạng hóa nhiều sản phẩm, đặc biệt sản xuất các loại ví, sách, cặp sách để phục vụ cho khách du lịch.

Vùng Tây Bắc có nhiều lễ hội, đồng bào các dân tộc cần nghiên cứu và phục dựng những lễ hội, nghi lễ mang những đặc trưng văn hóa riêng của dân tộc mình, vừa là hoạt động nhằm bảo tồn văn hóa, vừa phục vụ để phát triển du lịch. Nên tổ chức lễ hội thường niên thì mới thu hút được khách du lịch.

**2.2.3.5. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển du lịch**

Để du lịch phát triển mạnh mẽ hơn cần có chính sách đầu tư hợp lý. Vốn đầu tư cần huy động từ nhiều nguồn như: nhà nước, người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức nước ngoài.

Ngân sách nhà nước thường được đầu tư hỗ trợ để xây dựng hạ tầng du lịch, xúc tiến quảng bá, phát triển thương hiệu, phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn giá trị văn hóa. Nguồn vốn khác chủ yếu dành cho phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển sản phẩm du lịch, xây dựng các khu du lịch, phát triển thương hiệu sản phẩm du lịch, đào tạo nguồn nhân lực cho cán bộ nhân viên, các doanh nghiệp và cộng đồng.

Để huy động được nguồn vốn phát triển du lịch cộng đồng cần phải có các giải pháp cụ thể là:

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước chủ yếu đề xuất thông qua chương trình mục tiêu quốc gia, huy động từ các tổ chức phi chính phủ như ODA, ngân hàng châu Á ADB, cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (Jica) và cơ quan hợp tác quốc tế (Koica), các tỉnh thành cần tiếp cận nguồn vốn này để đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ cho người dân ở các bản du lịch cộng đồng xây dựng các công trình vệ sinh công cộng...

- Đối với nguồn vốn khác: Mỗi địa phương cần có các biện pháp thu hút nguồn vốn; kêu gọi vốn đầu tư trong nước, từ các tổ chức nước ngoài, các doanh nghiệp, cá nhân. Vốn có thể được huy động dưới hình thức góp cổ phần đầu tư cùng kinh doanh, cũng có thể cho vay không lãi, hay lãi suất thấp để hỗ trợ người dân đầu tư xây dựng nhà nghỉ cộng đồng để đón khách.

#### **2.2.3.6. Giải pháp về nguồn nhân lực**

Đề du lịch thực sự là thế mạnh phát triển kinh tế thì cần phải chú trọng đến nguồn nhân lực, từ việc quy hoạch nguồn lực, quản lý nguồn nhân lực, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu.

Cần phải hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch hợp lý trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương và quy hoạch phát triển du lịch của mỗi địa phương. Trong chiến lược, mỗi tỉnh thành đều phải tính toán rõ về số lượng nhân lực phục vụ từng điểm du lịch. Phải tính toán số lượng lao động tham gia phục vụ việc ăn nghỉ, biểu diễn văn nghệ, vận chuyển. Cũng cần phải tính toán rõ cơ cấu nghề nghiệp trong nguồn nhân lực như cán bộ quản lý, nhân viên lễ tân, thu tiền, nhà hàng, biểu diễn văn nghệ...

Điều tra nguồn nhân lực một cách cụ thể, chính xác. Điều tra về số lượng, chất lượng, đánh giá đúng khả năng để sắp xếp công việc phù hợp. Tiến hành điều tra phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn bộ cán bộ nhân viên và lao động hiện đang tham gia hoạt động du lịch ở các tỉnh. Từ kết quả điều tra đó sẽ cho phép đưa ra một kế hoạch đào tạo cụ thể các cấp trình độ chuyên ngành. Đào tạo từ trung cấp đến đại học, sau đại học. Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, nghiệp vụ thông qua việc điều tra, khảo sát tham gia hội nghị, hội thảo tại các địa phương trong nước và các nước có ngành du lịch phát triển.

Phát triển và tăng cường năng lực đào tạo nghề cho các cơ sở đào tạo nghiệp vụ du lịch. Cần xây dựng chương trình đào tạo gắn với thực tiễn, cần phải có các học phần thực tiễn để học thực hành trên các điểm du lịch cộng đồng ở địa phương. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cũng cần có những khoảng thời gian trải nghiệm thực tế để có kinh nghiệm giảng dạy cho học viên.

Cần đào tạo kỹ năng huấn luyện cho đội ngũ giám sát, đội ngũ hướng dẫn viên, phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để gắn liền đào tạo với sử dụng. Các cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo du lịch cần thiết lập và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện kỹ thuật hiện đại cả về máy móc, thiết bị hiện đại, phần mềm quản lý. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác đào tạo, nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm và phối hợp hiệu quả với các dự án đào tạo của nước ngoài.

Chú trọng đào tạo nhân lực là người địa phương, người dân tộc thiểu số, phát triển mô hình du lịch kết hợp với chính sách xóa đói, giảm nghèo, phát triển du lịch bền vững. Mở các lớp tập huấn và các chương trình đào tạo tại chỗ cho các nhà quản lý, các hướng dẫn viên và một số người dân địa phương nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của du lịch cũng như đảm bảo những kỹ năng cơ bản cho người dân địa phương tham gia hoạt động du lịch.

Việc triển khai đào tạo cần được gắn liền với thực tiễn, tăng cường các bài tập tình huống và xây dựng các nhóm thảo luận chuyên sâu. Đào tạo ngoại ngữ cho người dân địa phương để họ có thể tự tin đón khách nước ngoài.

#### **2.2.3.7. Giải pháp quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch**

Cần có biện pháp tuyên truyền, quảng bá để thu hút khách du lịch. Tiếp tục đầu tư thỏa đáng, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch hiện có của địa phương. Thống nhất về giá cả hợp lý để phát triển du lịch, khuyến khích du khách sử dụng dịch vụ du lịch, tránh hiện tượng làm du lịch theo kiểu chụp giạt, làm mất hình ảnh của điểm đến du lịch.

Cần phải cải tiến công tác thông tin quảng cáo. Phải có nhiều có nhiều hình thức quảng cáo và trên nhiều phương tiện khác nhau như qua mạng internet, facebook, ti vi, báo, đài... Nghiên cứu các sản phẩm du lịch mà thị trường đang cần.

Các kênh thông tin nên thực hiện qua các trung gian như thông qua công ty du lịch, các hướng dẫn viên, hay xuất bản các tờ gấp, tờ rơi, các sách hướng dẫn về du lịch của vùng Tây Bắc. Đặc biệt đẩy mạnh và cập nhật các thông tin xúc tiến qua internet, đẩy mạnh xúc tiến tại chỗ thông qua các du khách.

Các tỉnh cũng cần dành riêng nguồn kinh phí cho hoạt động du lịch nói chung và công tác quảng bá, xúc tiến du lịch nói riêng để triển khai các nội dung, chương trình quảng bá được liên tục, có hiệu quả và đạt được hiệu ứng tốt nhất của khách du lịch.

Ngoài ra, cần huy động nguồn lực xã hội hóa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn cả nước, liên doanh, liên kết phát triển du lịch của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cũng như các dự án đầu tư, hỗ trợ của nước ngoài.

#### **2.2.3.8. Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường cho phát triển du lịch**

Khách du lịch nghỉ ngơi, khám phá ai cũng muốn được sống trong môi trường trong lành, không bị ô nhiễm. Để thu hút được du khách nhiều hơn cần làm tốt công tác bảo vệ môi trường. Các giải pháp cụ thể là :

- Thành lập đội tự quản (hội phụ nữ, đoàn thanh niên), hoặc tổ chức cho các gia đình thường xuyên quét dọn vệ sinh ở các thôn, bản.

- Chăn thả trâu bò đúng nơi quy định, đảm bảo vệ sinh đường trong thôn, bản.

- Không nuôi gia súc, gia cầm ở dưới gầm sàn.

- Khai thông cống rãnh thoát nước, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Trong nhà luôn được quét dọn sạch sẽ. Đặc biệt, chăn màn, gối, đệm phải được giặt sạch sẽ, không để mùi hôi, hay có bọ chét, bọ chét...

- Cần trang bị những thùng rác công cộng và ở các hộ gia đình, hướng dẫn khách du lịch và mọi người bỏ rác đúng nơi quy định và tuân thủ những quy định về vệ sinh môi trường của các điểm du lịch.

- Có quy định cụ thể, rõ ràng, xử phạt nghiêm minh những tổ chức, cá nhân, thậm chí cả khách du lịch gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích các hộ gia đình bảo vệ và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên tại bản làng.

- Sử dụng các sản phẩm diệt muỗi, ruồi thân thiện với môi trường.

- Phát động phong trào vệ sinh môi trường ở các bản du lịch. Hàng tháng nên tổ chức vệ sinh, huy động lực lượng các gia đình tham gia dọn vệ sinh ở các bản làng.

- Tuyên truyền cho người dân hiểu và thấy rõ tác hại của việc không gìn giữ vệ sinh môi trường để cho người dân có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường. Vận động dân cư trong bản nói không với các tệ nạn xã hội, giữ gìn môi trường xã hội tại bản trong sạch, lành mạnh.

### **3. Kết luận**

Tây Bắc có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Tiềm năng tự nhiên và văn hóa đã tạo cho vùng có sản phẩm du lịch đặc trưng. Mỗi tỉnh đều có nhiều điểm du lịch có sức thu hút

khách du lịch cao, doanh thu lớn. Tuy nhiên, sự phát triển du lịch của các tỉnh không đồng đều do nguồn tài nguyên, vị trí của điểm đến. Cần có các giải pháp để phát triển du lịch như: giải pháp về cơ chế, chính sách; đào tạo nguồn nhân lực; đầu tư vốn, phát triển sản phẩm du lịch, tuyên truyền quảng bá sản phẩm du lịch; bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Phối hợp đồng bộ các giải pháp trên giữa các địa phương thì du lịch vùng Tây Bắc của Việt Nam sẽ phát triển một cách bền vững hơn.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Đỗ Thị Mùi, 2015. “Những giải pháp về nguồn lao động cho phát triển DLCĐ vùng Tây Bắc”, *Tạp chí Nghiên cứu địa lí nhân văn*, số 5, Tr 47 – 52.
- [2] Đỗ Thị Mùi, 2016. “Tiềm năng và những giải pháp phát triển du lịch cộng đồng vùng Tây Bắc”, *Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 61, tháng 10, Tr 141 – 147.
- [3] Đỗ Thị Mùi, 2017. “The modeling and managheement mechanism for the community – based tourism model oferation in the northwest Viet Nam” *Critical issues for sustainable tourism development in South East Asia*, tháng 10 năm 2017, pp. 41- 56.
- [4] Đinh Thị Hải Yến, *Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Hòa Bình*. Luận văn thạc sĩ khoa học Địa lí năm 2016, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Lô Thanh Bình, *Phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Điện Biên*. Luận văn thạc sĩ khoa học Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam năm 2018. Nxb Thống kê.
- [7] Lê Thông, 2006. *Địa lí các tỉnh thành phố Việt Nam*. Nxb Giáo dục.
- [8] Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Điện Biên, Báo cáo kết quả hoạt động du lịch giai đoạn 2010 đến 2018.
- [9] Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Lai Châu, Báo cáo kết quả hoạt động du lịch giai đoạn 2015 đến 2018.
- [10] Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Hòa Bình, Báo cáo kết quả hoạt động du lịch giai đoạn 2010 đến 2018.
- [11] Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Sơn La, Báo cáo kết quả hoạt động du lịch giai đoạn 2015 – 2018.

## **ABSTRACT**

### **Sustainable tourism development in Northwest region of Vietnam**

Do Thi Mui

*Faculty of History, Hanoi Pedagogical University No2*

This article has the basic objective of assessing the potential, current situation and proposing solutions for sustainable tourism development in Northwest region of Vietnam. The main research methods are: Theoretical research - general analysis of documents and datasets; and Field research. This article has assessed the potential for both the natural potential and the cultural potential for tourism development; and analyzed the current situation and proposed solutions to develop tourism in a sustainable manner. Some of the most important solutions for sustainable tourism development are: high quality human resource training, investment in infrastructure construction capital, technical facilities for tourism, diversification of tourism products, environmental protection, good propaganda, and promotion of products and destinations as a whole better exploit the tourism potential of the region.

**Keywords:** Mechanisms, policies, tourism products, tourism markets.